

Mìn này chống người mìn-hóa của VIỆT-CỘNG.

278

VC HOMEMADE ANTIPERSONNEL MINE

Mìn này chế-tạo bằng tôn, thân sơn màu xám đậm. Mìn là loại lựu-dạn biến cải bằng cách cắt thêm một móc sắt (hoặc thép) ở trên thân mìn, cơ-hành không khác gì như lựu-dạn mìn-hóa. Khi vòng chốt an-toàn được rút ra (hoặc bẻ ra) lựu-dạn được thả lỏng, dây mìn kim hóa xuống kích hỏa và làm nổ qua mìn.

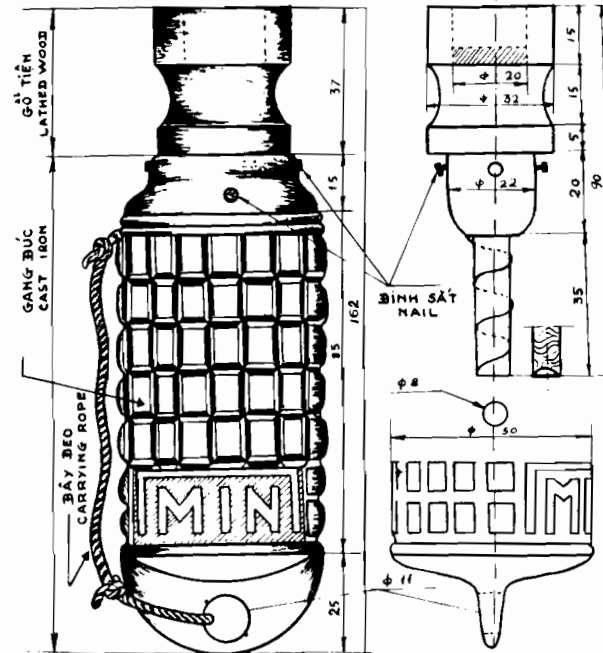
This mine is constructed of sheet metal with a dark, painted case. It is a modified grenade equipped with one iron (or tin) lug on its body. Its operation is similar to a homemade grenade. When the safety ring is pulled out the spring is released and the firing pin strikes the primer and detonates the mine.

CHARACTERISTICS

ĐẶC - TÍNH

Màu sắc	Xám đậm
Trọng lượng toàn bộ	0kg860
Chiều dài	160 ly
Đường kính	65 ly
Độ dài vệt hợp nhất của vỏ mìn	Lên bằng tôn dày 1/2 ly

Color	Dark Grey
Overall weight	0.860 kg (2 pounds approx)
Length	160 mm (6 inches approx)
Diameter	65 mm (2 inches approx)
Thickness and quality of the mine case	0.5 mm sheet metal



Mìn nôi-hóa hình trụ có khóa của Việt-Cộng

Mìn nôi-hóa hình trụ này là loại mìn kéo oọc xát, nặng 1 kg 000. Thân mìn sơn màu xám, đúc bằng gang, bên ngoài có khóa từng mảnh nhỏ.

Khi vòng giấy được kéo ra, thuốc "mồi kéo" ở trong ống thuốc diêm được giật lên và chạm, chạm thuốc diêm, đốt cháy dây cháy chậm, cháy đến ngòi nổ và làm nổ qua mìn.

ĐẶC - TÍNH

Màu sắc	Xám
Trọng lượng toàn bộ	1 kg 000
Đường kính	50 ly
Thuốc mồi	T.N.T.
Cơ-hành	Bằng hóa pháo thường loại oọc xát.

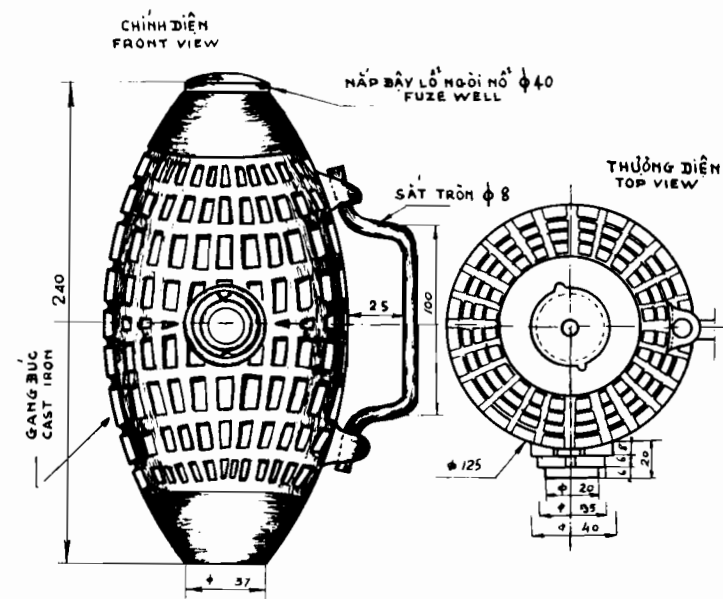
VC CYLINDRICAL HOMEMADE FRAGMENTATION MINE

This cylindrical homemade mine is constructed of cast iron and weighs one kilogram. The mine body is painted grey and has serrations for fragmentation effect.

When the wire ring is pulled out, the friction type igniter activates the time fuze and detonates the blasting cap, which in turn, detonates the mine.

CHARACTERISTICS

Color	Grey (cast iron color)
Overall weight	1 kilogram (2.2 pounds)
Diameter	50 mm
Explosive charge	TNT
Operation	Common friction-type fuze



Mìn C.C.I. BẰNG GANG ĐÚC CÓ KHÓA CỦA VIỆT-CỘNG

Mìn có hình bầu dục, trừ hai khoảng nón out ở 2 đầu nhọn, khoảng giữa đều có khóa dọc ngang. Trên thân mìn, cách đều 2 đầu, có một quai xách được luồn vào 2 mắt dính liền với thân mìn.

Ở đầu quả mìn có một lỗ đường kính 40 ly, có nắp đậy lại. Khi sử dụng nắp này được tháo ra và thay bằng một ngòi nổ điện.

ĐẶC - TÍNH

Màu sắc	Xám (màu gang đúc)
Trọng lượng toàn bộ	5 kg 000
Chiều dài	240 ly
Đường kính	125 ly
Thuốc nổ	Melinite
Cơ hành	Bằng điện

VC CAST IRON FRAGMENTATION ANTITANK MINE

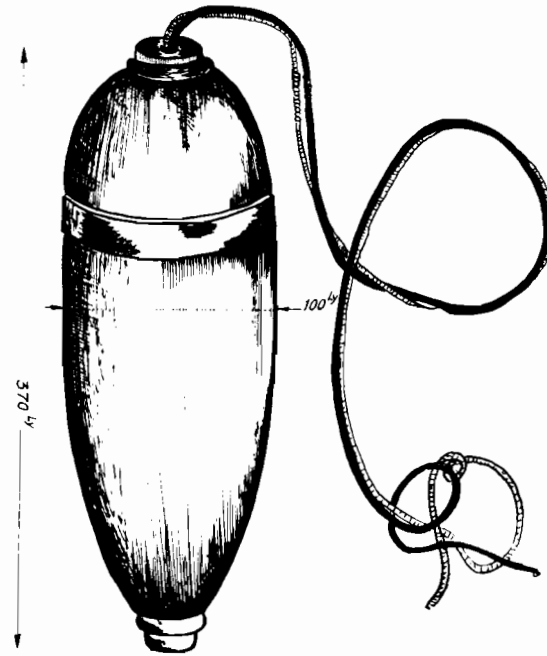
This oval-shaped mine is crisscrossed by serrations, except on the two ends. On the mine body and between both ends is a handle which is passed through two eye hooks attached to the mine body.

There is a hole, 40 millimeters (2 inches approximately) in diameter, with a cover at the end of the mine. When used, this cover is removed and replaced by an electric blasting cap.

CHARACTERISTICS

Color	Grey (cast iron)
Overall weight	5 kg (12 pounds approx)
Length	240 mm (9 inches approx)
Diameter	125 mm (5 inches approx)
Explosive charge	Melinite
Operation	Electric

283



Mìn C.C.I.HỘI-HÓA 100 LY CỦA VIỆT-CỘNG

LÀM BẰNG DẠNG B.K.P.100 LY CỦA ANH

Mìn làm bằng loại đạn BKP của Anh, biến-ảnh, có-hành bằng điện. Phía đầu gắn hộp-pháo được cắt ngắn một nửa và có khoan một lỗ để luồn dây dẫn điện vào ngòi nổ.

Thân mìn hình tròn, đường kính 100 ly, chiều dài 370 ly.

ĐẶC - TÍNH

Màu sắc	Sơn đen
Trọng lượng toàn bộ	6 kg 000
Thuốc nạp	T.N.T.loại xấu
Trọng lượng thuốc nạp	1 kg 500
Trọng lượng vỏ mìn	4 kg 500
Hộp chất của vỏ mìn	Bang gang.

VC LOCALLY-CONSTRUCTED ANTITANK 100MM MINE,

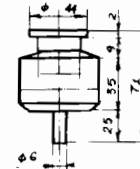
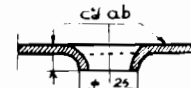
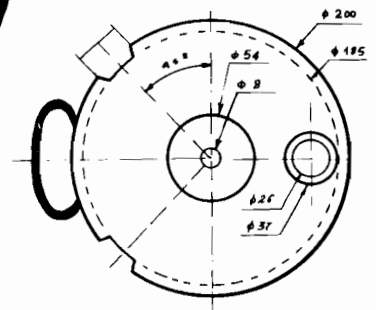
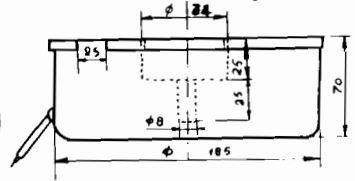
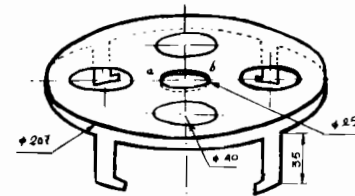
CONSTRUCTED FROM BRITISH 100MM MORTAR SHELL

This mine is a modified British mortar shell utilizing an electric firing device. The fuze well is cut off, and a hole is drilled into the explosive to accommodate an electric blasting cap. The mine has an oval-shaped case which is 100 millimeters in diameter and 370 millimeters in length.

CHARACTERISTICS

Color	Black
Overall weight	6 kg (13 pounds approx)
Explosive charge	TNT (poor quality)
Charge weight	1.500 kg (1.5 pounds approx)
Mine case weight	4.500 kg (10 pounds approx)
Mine case mixture	Cast iron

285



Mìn chống chiến-xa của Việt-Cộng

VC ANTITANK MINE

Mìn chống chiến-xa loại 5 kg 200 mìn-hóa của Việt-Cộng vỏ bằng sắt gồm có hai phần chính:

- 1.- Nắp mìn cũng gọi là đĩa áp-lực,
- 2.- Thân mìn.

a/- Nắp mìn: Hình tròn, chính giữa có một lỗ để lắp hỏa-pháo đường kính 25 ly. Nắp mìn được giữ chặt vào thân mìn bằng bốn chân có móng quặp lại.

b/- Thân mìn: Thân mìn cao 70 ly, đường kính 185 ly, đường kính trên miệng là 200 ly, trên miệng có 2 lỗ, 1 lỗ thông với lỗ hỏa-pháo ở nắp mìn dùng để chứa phân dưới của hỏa-pháo, lỗ bên cạnh để nạp chất nổ.

ĐẶC - TÍNH

Màu sắc	Xanh Quân-dội (OD)
Trọng lượng toàn bộ	5kg200
Đường kính	200 ly
Chiều cao	75 ly
Thuộc loại	T.N.T. loại xấu
Hợp chất của vỏ mìn	Bằng sắt thường.

The VC locally-constructed, antitank mine weighs approximately 5.2 kilograms (11.5 pounds) with iron case. It consists of two main parts: the mine cap, which is also called the pressure plate, and the mine body.

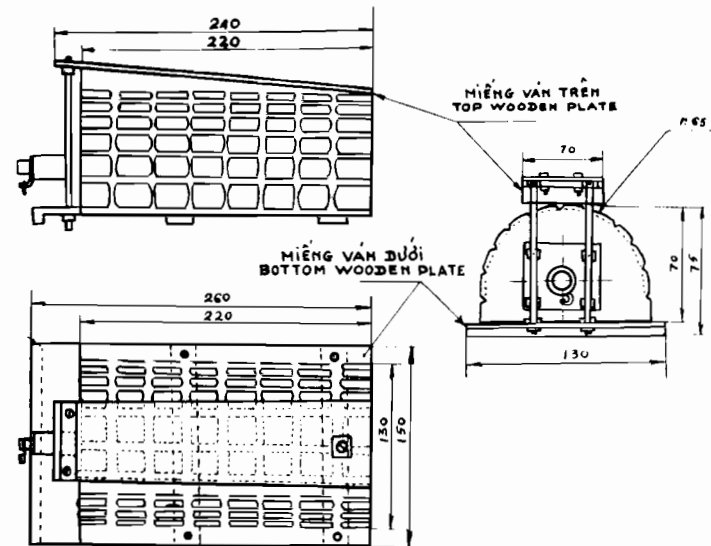
The mine cap, pressure plate, is oval-shaped with a hole in the center to accommodate the 25 mm diameter fuze.

The mine body is 70 mm high, 185 mm in diameter, and its top is 200 mm in diameter. Two holes are located in the top; one houses the fuze, and the other is used to load the explosive.

CHARACTERISTICS

Color	Olive drab (OD)
Overall weight	5.2 kg (11.5 pounds)
Diameter	200 mm (8 inches)
Height	75 mm (3 inches)
Explosive charge	TNT, poor quality
Material of mine body	Sheet iron

287



Mìn nội-địa hình rùa làm bằng ciment của V.C.

Mìn này làm bằng ciment, cơ-hành bằng điện, nặng 6 kg. Trên thân mìn có gắn một tấm ván dài đặt nằm ngang, tấm ván này được bắt dính với tấm ván phía dưới trái mìn bằng hai cái bu-lon. Một bên đầu trái mìn có một miếng sắt vuông gắn liền với thân mìn bằng 4 đinh ốc để chịu ứng lực ngòi nổ điện.

ĐẶC - TÍNH

Màu sắc	Xám
Trọng lượng toàn bộ	6 kg 000
Chiều dài	220 ly
Đường kính	130 ly
Thuốc nổ	T.N.T. loại xấu
Hợp chất của vỏ mìn	Bằng ciment.
Cơ-hành	Bằng điện.

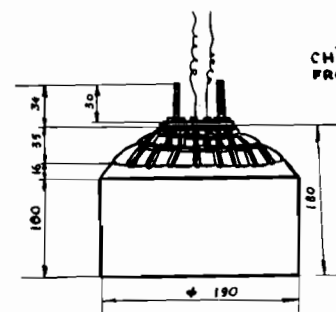
VC TURTLE-SHAPED MINE, LOCALLY MADE OF CEMENT

This mine is constructed of cement with an electric firing device and weighs 6 kilograms (13 pounds approximately). Usually the mine is fastened to a long pole. A part of the case has a square piece of iron attached by four screws for holding the fuze in place.

CHARACTERISTICS

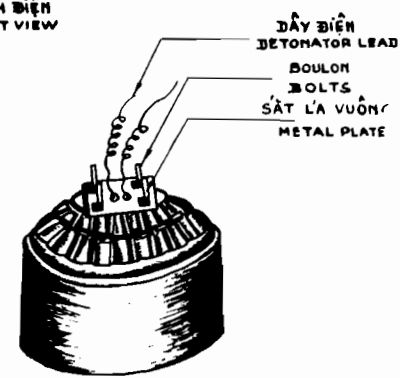
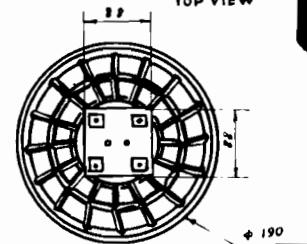
Color	Grey
Overall weight	6 kg (13 pounds approx)
Length	220 mm (9 inches approx)
Diameter	130 mm (5 inches approx)
Explosive charge	TNT (poor quality)
Mixture of mine case	Cement
Operation	Electric

289



CHINH DIỆN
FRONT VIEW

THƯỢNG DIỆN
TOP VIEW



PHỐI HÌNH
PERSPECTIVE

Mìn mội-huá hình cái quả làm bằng cement

290

VIỆT-CỘNG

Mìn này làm bằng cement, cơ-hành bằng điện, nặng 6 ký, Phận trên mìn rửa có khóa ở giữa, ngay đầu quả mìn có miếng sắt vuông được gắn dính liền với thân mìn bằng 4 bu-lon để chịu cùng chỗ gắn ngòi nổ điện.

ĐẶC - TÍNH

Màu sắc	Xám
Trọng lượng toàn bộ	6 kg
Thuộc loại	T.N.T. loại xâu
Chiều cao	150 ly
Đường kính	190 ly
Hộp chất của vỏ mìn	Bằng cement
Cơ-hành	Bằng điện

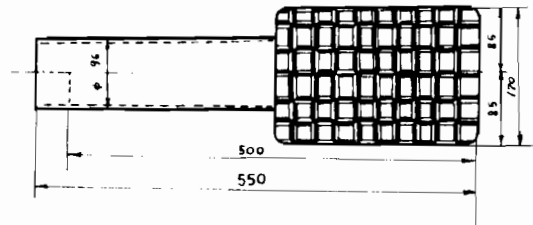
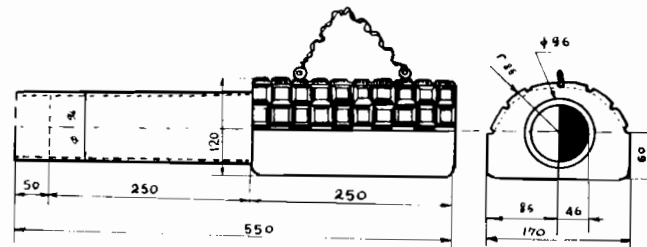
VC BETEL BOX-SHAPED MINE, LOCALLY-MADE OF CEMENT

This mine is constructed of cement with an electric firing device and weighs 6 kilograms (13 pounds approximately). It has serrations in the center of the case. The end of the mine has a piece of iron attached by four bolts. This piece of iron is used to hold the electric blasting cap.

CHARACTERISTICS

Color	Grey
Overall weight	6 kg (13 pounds approx)
Explosive charge	TNT (poor quality)
Diameter	190 mm (8 inches approx)
Mixture of mine body	Cement
Operation	Electric

291



Mìn mìn hóa hình mìn tròn dài có khóa làm bằng
CIMENT CỦA VC.

292

VC LOCALLY-MANUFACTURED, CYLINDRICAL, CEMENT,
FRAGMENTATION MINE

Mìn mìn hóa hình mìn tròn dài có khóa làm bằng ciment là loại mìn cơ hành bằng điện nặng 6 kg. Trên thân mìn có 2 khoan sắt để buộc quai xách; ở một bên đầu trái mìn có đục một ống sắt tròn, đường kính 0 M 050, một bên đầu kia của trái mìn có một lỗ để gắn ngòi điện.

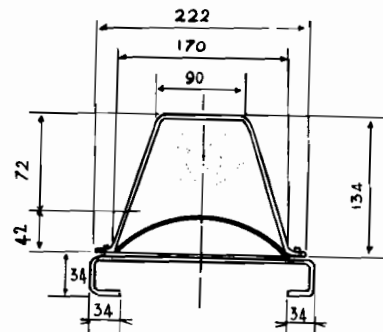
This locally-manufactured, cylindrical, fragmentation mine, with serrations, is constructed of cement. It is electrically fired, and it weighs approximately 6 kilograms (13 pounds). There are two iron swivels on the mine body, which are used to tie it to another object. There is a round, iron pipe, 50 mm in diameter, on one side of the mine head. There is a hole on the other side to accommodate the electric blasting cap.

ĐẶC TÍNH :

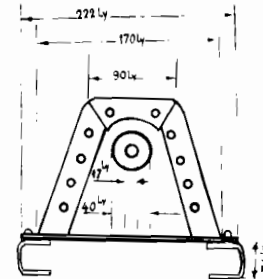
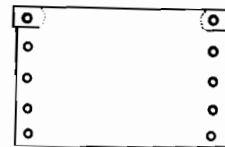
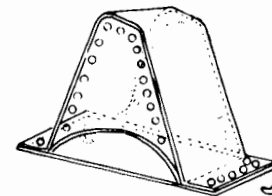
Màu sắc	Xám
Trọng lượng toàn bộ	6 Kg
Chiều dài thân mìn	0 M 250
Chiều cao	0 M 120
Thuộc nhĩ	T.N.T. loại xấu
Hợp chất của vỏ mìn	Bằng ciment
Cơ hành	Bằng điện.

CHARACTERISTICS

Color	Grey
Overall weight	6 kg (13 pounds approx)
Length of the mine body	250 mm (10 inches approx)
Height	120 mm (5 inches approx)
Explosive	TNT (poor quality)
Mixture of mine body	Cement
Operation	Electric



PHỐI HÌNH
PERSPECTIVE



HẺU DIỆN
RIGHT VIEW

Mìn Rùa Mội Hố Việt-Cộng Làm Bằng Tôle.

294

VC LOCALLY-MANUFACTURED "TURTLE" MINE

CONSTRUCTED OF SHEET METAL

Mìn loại 9 ký, vỏ bằng tôle đen được nối
ghép lại với nhau bằng những hàng đinh tán.

This mine weighs 9 kilograms (20 pounds
approximately), and the body is constructed
of separate pieces of black sheet metal put
together with rivets.

Đáy mìn có 4 chân hình chữ U nằm ngang.

There are four "U" shaped supports placed
across the bottom of the mine.

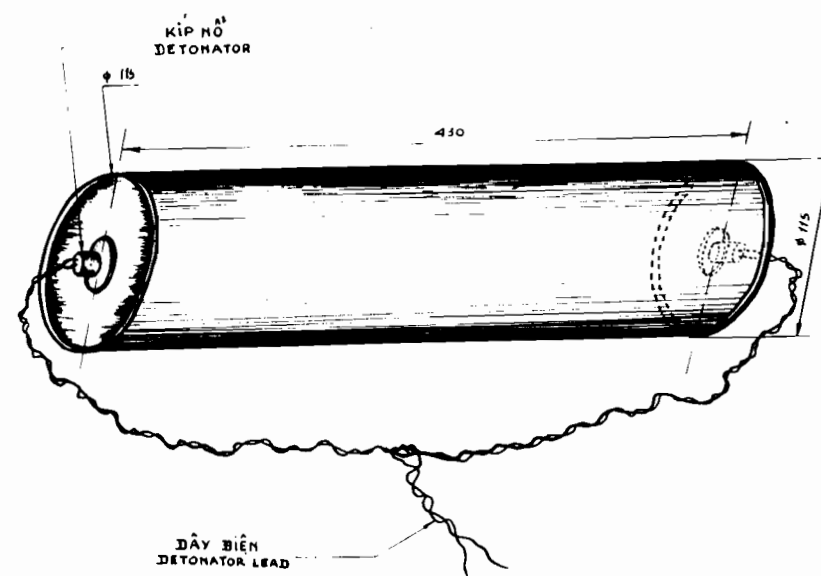
CHARACTERISTICS:

ĐẶC TÍNH :

Màu sắc	Sơn đen
Trọng lượng toàn bộ	9 Kg 300
Thuốc nổ	Melinite
Trọng lượng thuốc nổ	3 Kg 530
Trọng lượng vỏ mìn	5 Kg 770
Bề rộng	134 ly
Vỏ dày	3 ly bằng tôle
Răng lỗ vận hỏa pháo	đen. 11 ly 5.

Color	Black
Overall weight	9.300 kg (20 pounds)
Explosive charge	Melinite
Weight of explosive charge	3.530 kg (7.5 pounds)
Weight of mine body	5.770 kg (12.5 pounds)
Height	134 mm (5.5 inches)
Groove of the fuze hole	11.5 mm (0.5 inches)

295



Mìn hình tròn khối mội-bỏ của Việt-Cộng

296

VC LOCALLY-CONSTRUCTED ROUND VOLUME MINE

Mìn này là loại mìn mội-bỏ, cơ-hình bằng diên. Hai đầu gó 2' kíp nổ. Mìn được chế-tạo bằng tôle, nặng 7 ký.

This locally-manufactured mine is constructed of sheet metal, weighs 7 kilograms (15 pounds approximately) and is fired electrically. There are two primer detonators located in the head of the mine.

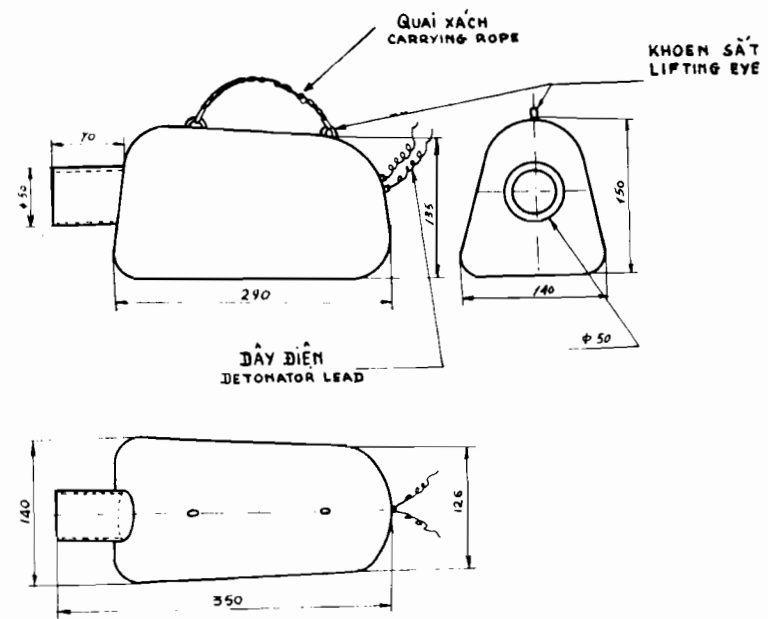
CHARACTERISTICS

ĐẶC TÍNH :

Màu sắc	Xanh dâm
Chiều dài	430 ly
Đường kính	115 ly
Cơ-hình	Bằng diên
Trọng lượng toàn bộ	7 Kilos
Trọng lượng thuốc nổ chính	6 Kilos
Loại thuốc nổ chính	Melinite loại xan
Bộ dây và hộp chất nổ mìn	Bằng tôle dày 1/2 ly
Dấu hiệu trên thân mìn	Gieo gài bằng sơn đỏ : P + X 6 K 313 loại II.

Color	Dark Green
Length	430 mm (17 inches)
Diameter	115 mm (5 inches)
Operation	Electric
Overall weight	7 kg (15 pounds)
Weight of explosive charge	6 kg (13 pounds)
Type of explosive charge	Melinite (poor quality)
Thickness and mixture of mine case	0.5 mm, sheet metal
Marks on mine body	Red painting P + X 6 K 313, Type II.

297



**Mìn mội-hóa hình mớ tròn dài
bằng ciment của Việt-Nam.**

Mìn này làm bằng ciment, cơ hành bằng giân, nặng 6 ky. Trên thân mìn có hai khoan sắt để buộc quai xách. Ở một bên đầu có đục một ống gút tròn đường kính 50 ly, bên đầu kia trái mìn có một lỗ để gắn ngòi nổ điện.

ĐẶC TÍNH :

Màu sắc	Xi-m
Trọng lượng toàn bộ	6 Kilos
Chiều dài	290 ly
Chiều rộng	150 ly
Đường kính	140 ly
Thuộc nổ chính	T.N.T. loại xôn
Cơ hành	Bằng điện.

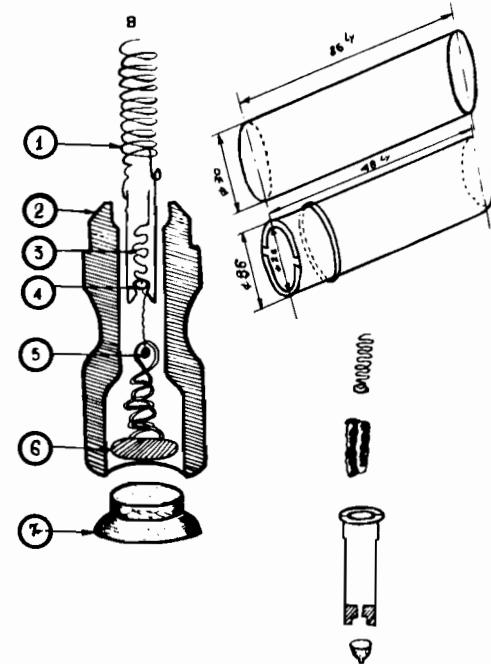
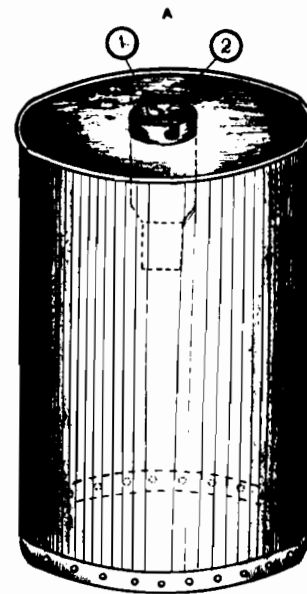
VC LONG AND ROUND, MOUND-SHAPED, LOCALLY-MANUFACTURED

MINE CONSTRUCTED OF CEMENT

This mine is constructed of cement, it is electrically operated, and it weighs 6 kilograms (13 pounds approximately). There are two iron swivels on the mine body to tie it to an object. One side of the head has a round iron pipe 50 millimeters in diameter (2 inches approximately), and the opposite side has a hole to accommodate an electric blasting cap.

CHARACTERISTICS

Color	Grey
Overall weight	6 kr (13 pounds approx)
Length	290 mm (11 inches approx)
Height	150 mm (6 inches approx)
Diameter	140 mm (5.75 inches approx)
Explosive charge	TNT (poor quality)
Operation	Electric



Mìn này làm bằng ống giấy "container" đạn Bích-kích-pháo, phần đầu nắp giấy vắn oon, giữ nguyên, phần đáy mìn chèn một miếng gỗ tròn cùng cỡ, dày 18 ly, đóng dính với thân ống giấy bằng dính 2 phần.

Mìn có thể gắn hỏa-pháo chuyên vận bằng điện hoặc kéo cạp xat.

THÀNH PHẦN THÂN MÌN :

- 1.- Lò gắn hỏa-pháo
- 2.- Hai nòng để nhận hỏa-pháo

THÀNH PHẦN HỎA-PHÁO :

- 1.- Lò-so
- 2.- Hai bên có hai chốt sắt để gài hỏa-pháo vào miệng qua mìn
- 3.- Sợi dây đồng để xat thuốc đen ra lửa
- 4.- Ống bằng đồng để chứa thuốc đen có dây cạp xat ở giữa
- 5.- Khom của dây cạp xat có luồn qua sợi dây gai để kéo cạp xat,
- 6.- Miếng dày tròn đóng kín lại và bên ngoài có bao chất sạp để khỏi ướt bên trong.
- 7.- Núm bằng gỗ đóng kín lại và bên ngoài có bao chất sạp để khỏi ướt bên trong.

This mine is constructed of a mortar shell container. The cap is kept intact and the bottom plugged with a round piece of wood of the same diameter 18 millimeters (0.625 inches approximately) and fixed to the mine bottom by two nails. An electric blasting cap or friction fuze can be utilized with this mine.

The components of the mine body consist of a fuze hole and fuze blocking plates. The fuze consists of the following parts: a spring; two iron latches on both sides to attach the fuze to the mine opening; brass friction wire to ignite the black powder; brass pipe housing the friction wire; a swivel in the end of the friction wire through which a hemp rope is passed for leverage; and a sealing washer and wooden sealing plug with wax substance on the outside to keep the contents dry.



thang, giữa rồng, dùng để nhắm hướng mục-tiêu, gọi là lỗ chiếu mìn. Lỗ chiếu mìn này đặt đứng ở vị-thế 90 độ nơi giữa 2 đầu chân chống rap vào thân mìn.

Chân chống: Gồm có 4 thanh sắt và hai khung (bề ngang 15 ly). Các thanh sắt nối với khung bằng đinh ốc tán, nhờ đó có thể gấp lại được. Chân chống được rap vào thân mìn bằng những ốc có tai dài bằng đồng.

ĐẶC - TÍNH

Đường kính	300 ly
Bề dày	54 ly
Bề sâu quả bóp	51 ly
Chiều dài từ dây dẫn bóp	114 ly
Trọng lượng	9 Kg
Đường kính lỗ ngòi nổ	44 ly
Bề sâu lỗ ngòi nổ	51 ly
Trọng lượng thuốc nổ	4 Kg
Loại thuốc nổ	TNT
Cơ-hành	Ngòi nổ điện
Tầm hiệu ứng chống bộ-binh	Từ 100 đến 200 th.
Tầm chống các loại xe bọc sắt	50 thước

CÁCH XỬ-DỤNG Mìn DH-10 :

Cách đặt mìn :

a.- **Chống bộ-binh:** Mìn đặt cách mục-tiêu khoảng 150 đến 200 thước.

b.- **Chống xe cộ và thiết-vận-xe:** Đặt mìn cách khoảng 50 thước.

c.- **Chọc thủng một hàng rào kẽm hay một bức tường:** Dùng 3 trái mìn đặt theo hình tam giác bằng cách đặt 2 trái mìn ở phía dưới và trái kia đặt cách hàng rào 10 thước với trục phá hủy đối diện với hàng rào. Khi mìn nổ sẽ tạo ra một lỗ hổng rộng 3 thước đi sâu vào 40 hoặc 50 thước.

d.- **Chống trực thăng và lính nhảy dù:** Mìn đặt ở khoảng trống, mặt lồi quay lên phía trên

CHARACTERISTICS

Diameter	300 mm (11.75 inches)
Weight	
Diameter of the detonator hole	44 mm (1.75 inches)
Depth of the detonator hole	44 mm (1.75 inches)
Weight of explosive	51 mm (2 inches)
Functioning	4 kg (9 pounds approx)
Effective range against infantrymen	By an electric blasting cap
Effective range against armored vehicles	150 to 200 m
	50 m

USE OF THE VC DH-10 MINE:

1. Planting of the Mine.

a. Antipersonnel. Placed 150 to 200 meters in front of the target.

b. Antivehicular. Placed approximately 50 meters from the route of the vehicle.

c. Breaching a barbed wire fence or a wall. Use three mines and place them in a triangle adjacent to a wall or fence. Upon exploding, a breach of three meters in width with a depth of 40 or 50 meters is made.

d. Antihelicopters and antiparatroopers. The mine is planted in open terrain with its concave side up, or placed at the edge of a jungle at a 45 degree angle.

2. Destruction. When the mine explodes, its fragments will spread over an area having circle to 10' effectiveness as compared with the burst range. For example:

a. At a 50 meter range, the surface of dispersion will be effective from four to five meters.

b. At a 100 meter range, the surface of dispersion will be effective from eight to 10 meters.

hoặc đặt ở ven rừng với góc 45 độ.

Người gạt mìn : Phải nện sập đất với góc là 45 độ bên trái hoặc bên phải của trái mìn để không có ghồ ản nup. Cao dầy diện nện chôn sâu dưới đất để tránh hư hại do Pháo-Bình và Phi-cơ gây ra.

Sử dụng phá : Khi mìn nổ, oạc mảnh sập sẽ tỏa trên đất một vùng đường kính từ 8 đến 10% sử dụng mảnh, thí dụ :

- 50 thước thì diện tích phân tán từ 4 đến 5 thước.
- 100 thước thì diện tích phân tán từ 8 đến 10 thước.
- 200 thước thì diện tích phân tán từ 16 đến 20 thước.

Trong mỗi một thước vuông quả phân diện tích phân tán trung bình có đến 5 mảnh.

Cách ngấm :

- Cách muc-tiểu 100 thước, đường ngấm của trái mìn (trung) phải oạc hơn điểm ngấm 50 phân.
- Cách muc-tiểu 150 thước, đường ngấm của trái mìn phải oạc hơn điểm ngấm 1 thước.
- Cách muc-tiểu 200 thước, đường ngấm của trái mìn phải oạc hơn điểm ngấm từ 1,5 thước đến 2 thước.

Giữ gìn :

Để tránh mìn khỏi hư hại và gây nổ bất ngờ nên VC đã qỏ chỉ-thị cho oạc đơn vị V.C. sử dụng mìn cần phải áp dụng những biện pháp an toàn và tránh để :

- ẩm ướt
- để ở chỗ nắng
- kỵ va chạm mạnh (khi qỏ lắp ngòi nổ)
- chỉ lắp ngòi nổ khi sử dụng.

c. At a 200 meter range the surface of dispersion will be effective from 16 to 20 meters.

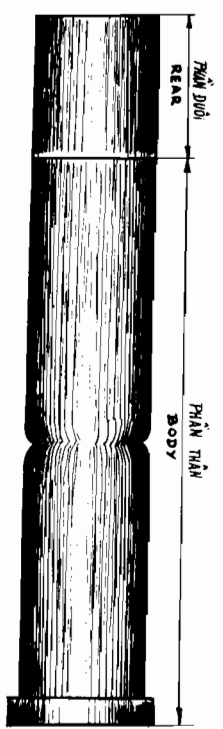
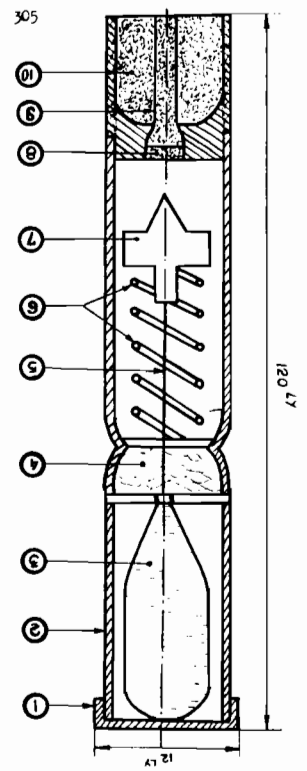
d. On each square meter of the surface of dispersion, five fragments are counted on the average.

3. Sighting. When the objective is at the range of 100 meters, the line of sight of the mine (arc) must be 50 centimeters (19.7 inches) above the aiming point. When the objective is at 150 meter range, the line of sight must be one meter above the aiming point. When the objective is at a 200 meter range, the line of sight of the mine must be at 1.50 to 2 meters above the aiming point.

4. Care and Maintenance. To prevent the mine from being damaged and from exploding by accident, the VC have instructed their using units to apply safety measures required under the following conditions:

- a. Humidity.
- b. Sunshine.
- c. Shock (when the detonator is in the mine).
- d. Introduction of a detonator into the mine.

NOTE: Under no circumstances is this type captured mine to be used tactically by friendly troops.



Bộ-phần phát hỏa này VC. dùng trong công tác phá-hoại để gắn vào mìn, khối nổ TNT thời gian nổ chậm từ 20 đến 30 phút (a) và phản-ứng bởi dung-dịch hóa-học Sum-Fat đồng CuSO_4 (Sulfate de Cuivre).

Bộ-phần phát hỏa được cấu-tạo bởi các thành-phần sau đây :

- 1.- Nắp dây.
- 2.- Thân ngòi nổ là vỏ chứa dung-dịch, nút nối, lò-so, kim hóa, lam bằng đồng hoặc sắt dày 3 ly, dài 120 ly, ngang 12 ly.
- 3.- Ống chứa dung-dịch Sum-Fat đồng lam bằng thủy-tinh, dài 25 ly, ngang 9 ly.
- 4.- Nút nối có chứa bông gòn tiện bằng đồng dài 13 ly, ngang 12 ly.
- 5.- Dây sắt có từ 3/10 ly đến 5/10 ly.
- 6.- Lò-so kim-hóa có 1 ly, ngang 7 ly và dài 13 vòng.
- 7.- Kim-hóa tiện bằng sắt
- 8.- Hạt nổ
- 9.- Ngòi nổ
- 10.- Thuốc nổ mạnh Tetryl.

QU-HÀNH : Khi ống chứa dung-dịch bị bóp vỡ, thì dung-dịch này chảy xuống nơi chứa bông gòn, thấm qua dây sắt mà xảy ra phản-ứng. Phản-ứng tiếp diễn đến mức độ nhất định dây sắt bị ăn đứt, lò-so được thả lỏng xuống dây kim-hóa đập vào hạt nổ (khi kim hóa ở thể dự-kích thì lò-so bị ép bởi dây sắt rút thẳng).

(a) Với dung-dịch CuSO_4 - 1% (Sum-Fat đồng + phen xanh + 2 hay 3 giọt acide chlorhydrique) - thì dây sắt 3/10 ly có thể bị ăn đứt và làm nổ trong khoảng từ 20 đến 30 phút. - Với dung-dịch CuSO_4 - 10% - (Sum-Fat đồng + phen xanh + 2 hay 3 giọt acide chlorhydrique) thì dây sắt 3/10 ly có thể bị ăn đứt và làm nổ trong khoảng từ 20 phút đến 30 phút.

CHEMICAL FIRING DEVICE

This firing device is employed by the VC for sabotage purposes. It is attached to mines and TNT demolition blocks. Its delay is between 20 and 38 minutes and the reaction is by chemical solution, CuSO_4 (copper sulphate).

The firing device is constructed of the following components: a cap; the fuze body is a case which contains the solution, the end cap spring, and the firing pin release wire which is made of copper or iron 3 millimeters thick, 120 millimeters long, and 12 millimeters wide; a copper sulphate solution container, made of glass, and 25 millimeters long and 9 millimeters wide; an end cap constructed of copper, 13 millimeters long and 12 millimeters wide, containing cotton; iron wire from 0.3 to 0.5 millimeters in size; a one millimeter firing pin spring, 7 millimeters wide and 13 millimeters long; an iron firing pin; a primer; a fuze, and a tetryl charge.

When the solution tube is broken, the solution runs down to the cotton container, soaking through the release wire and causing a chemical reaction. This reaction goes to a fixed degree until the release wire is eroded through, then the spring forces the firing pin against the primer.

With a 15% CuSO_4 solution (copper sulphate + blue alum + two or three drops of chlorhydric acid) the 0.3 millimeters release wire can possibly be eroded away and detonate the device within 28 to 38 minutes. With a 10% CuSO_4 solution (copper sulphate + blue alum + two or three drops of chlorhydric acid) the 0.3 release wire will be eroded away and detonate the device within 20 to 30 minutes.



LÂN-TÍNH ĐỎ CỦA TRUNG-CỘNG

Chất lân-tính đỏ do Trung-Cộng sản-xuất, là loại chất lân-tính bột, có ít phản ứng. Nhiệt độ cháy trong không-khí là 260 độ C. Ở nhiệt độ thường, chất này không bốc hơi; tuy-nhiên, nếu được trộn chung với Chlorate de Potassium hoặc Nitrate de Potassium thì có một phản ứng mạnh.

Hỗn hợp của lân-tính đỏ và Chlorate de Potassium hoặc Nitrate de Potassium dùng để chế tạo mìn, lựu-dạn, bom-bay, đạn Bích-Kích-Pháo và trọng-pháo. Hỗn-hợp này khi nổ sẽ cho một màn khói dày và tỏa sức nóng vừa.

ĐẶC-TÍNH :

Vỏ thùng	Bằng thiếc
Màu sắc	Màu xám
Kích thước	230 x 150 x 150 ly
Trọng-lượng toàn thể	5 ký
Đặc-điểm	Nhãn hiệu "Con ngựa đỏ" và chữ ghi bằng Anh và Hoa-Ngữ.

CHICOM RED PHOSPHORUS

Red phosphorus manufactured by the ChiComs is a powder product of slight sensitivity. The temperature required to burn in the air is 260 degrees centigrade. At normal temperature, this substance, when mixed with potassium chlorate or potassium nitrate, increases the sensitivity.

The mixture of red phosphorus and potassium chlorate or potassium nitrate is used as the explosive filler in mines, grenades, flying bombs, and mortar and artillery shells. This mixture will provide a thick screen of smoke and a mild explosive effect.

CHARACTERISTICS

Case	Sheet metal
Color	Grey
Dimension	230 mm x 150 mm x 150 mm (9 inches x 6 inches x 6 inches)
Overall weight	5 kg
Markings	Label "Red Horse" in English and Chinese characters



KHOẢNG NỔ T.N.T. CỦA TRUNG-CÔNG

Khoảng nổ TNT của Trung-Công là loại khoảng nổ chế-tạo hình chữ nhật, thuốc TNT màu vàng nhạt, nặng 200 gr ngoài bọc giấy dầu với nhãn hiệu chữ Tàu có nghĩa là: Khoảng thuốc nổ TNT loại 200 gr.

Ngoài ra, Việt-Công có thể dùng nhiều khoảng nổ loại này ghép thành một loại bộc phá nặng: 5, 10, 15 hoặc 20 ký đặt ở hai đầu dây sáo tre dài 4 hoặc 5 thước.

ĐẶC - TÍNH :

Màu sắc	Vàng nghệ
Bề rộng	50 ly
Bề dài	100 ly
Bề ngang	25 ly
Trong lượng	200 gr
Bọc bọc bởi giấy dầu	
Dấu hiệu	Dán nhãn hiệu trắng in chữ đen (Chữ Trung Công) màu vàng giấy dầu
Nhiệt độ cháy	Từ 81 đến 82,6 độ.
Nhiệt độ nổ	475 độ C
Tốc độ chuyển nổ	6900m/giây với 156 g/oo.

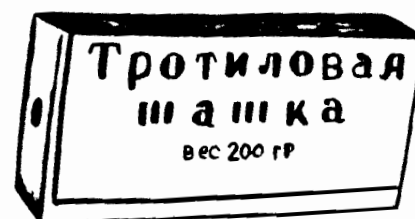
CHICOM TNT DEMOLITION BLOCK

The ChiCom TNT demolition block is rectangular in shape, is yellowish in color, and weighs 200 grams (0.25 pounds approximately). It is wrapped in oil paper with Chinese markings on the outside meaning: TNT demolition block, 200 grams.

A number of demolition blocks of this type are assembled by the VC into a satchel charge weighing five, 10, 15, or 20 kilograms and affixed to the ends of a bamboo pole four to five meters long.

CHARACTERISTICS

Color	Yellow
Height	50 mm (0.75 inches)
Length	100 mm (4 inches)
Width	25 mm (1 inch approx)
Weight	200 grams (0.5 pounds)
Oil paper cover markings	Yellow label with black printed (ChiCom) characters.
Flammable temperature	From 81 to 82.6 degrees
Explosion temperature	175 C degrees
Detonation velocity	6,900 m/s (2,200 feet/second)



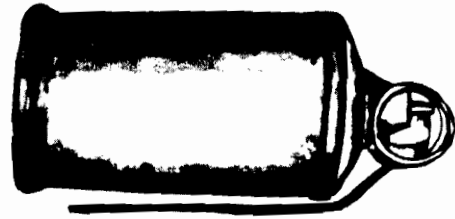
KHỐI THUỐC NỔ TNT CỦA NGA-SO.

Thuốc nổ TNT là loại thuốc nổ bán bán dùng trong Quân-Đội Nga-Sô, và được ép thành từng khối hình chữ nhật gói bằng giấy nhiều màu khác nhau (Vàng, trắng, nâu, xanh v.v...). Trên mỗi gói có một chấm màu tím chỉ cho biết vị trí lỗ ngòi nổ. Có 2 cỡ khối lớn nhỏ khác nhau nặng 200 Gr hoặc 400 Gr mỗi khối, khi xuất kho được đặt vào thùng trong thùng. Trong mỗi thùng như vậy, ở giữa lớp trên luôn luôn có 1 khối loại 400 Grs mà trong lỗ ngòi nổ có một ống kim khí có răng. Khối nổ 400 Grs này sẽ có công-dụng là thuốc nổ mìn nếu khi thùng TNT được cho nổ một lượt (như khối nổ phá hoại) để đánh các công-sự kiên trù to lớn.

SOVIET TNT BLOCK (TROTYL BLOCK)

TNT is the basic Soviet military explosive and is issued to troops in pressed form, paper-wrapped rectangular blocks. These blocks are wrapped with colored paper (white, light yellow, light tan, pale pink, pale green or pale blue). A purple spot on the wrapper denotes the location of the blasting cap well. These TNT blocks are produced in 200 and 400 gram sizes (7 ounce and 14 ounce) and issued in wooden chests or crates. In a chest or crate containing either size blocks, there is a 400 gram block with a threaded metal bushing in the blasting cap well. This block is in the center of the upper layer of blocks and acts as the booster charge if the entire crate is to be used as a demolition charge.

513



LƯU-DẠN HÓA-HỌC CỦA VIỆT-CỘNG.

314

VIET-CONG CHEMICAL GRENADE, BURSTING TYPE

Thân lưu-dạn làm bằng tôn ráp mối hàn có hình hộp rượu bia. Thân lưu-dạn và ống an-toan sơn bằng một chất men màu xanh sẫm khiến cho lưu-dạn có vẻ làm bằng chất plastic; lưu-dạn dễ được nhận dạng nhờ có một lỗ dẫn thuốc ở đáy lưu-dạn.

This grenade is constructed of galvanized sheet metal with soldered seams and resembles a beer can. The body of this grenade and the fuze handle were dip-painted with a dark green enamel which gives the grenade body the appearance of plastic. The grenade can be readily identified by the round filler plug located in the base of the canister.

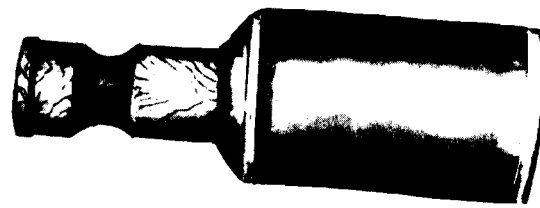
ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Chiều dài 115 ly
Đường kính. 64 ly
Màu sắc Xanh sẫm
Thuốc nổ Chất nổ nổi-hóa
Ngòi nổ Kích-hóa bằng kim châm
Chất hóa-học. Lân-tinh trắng (PWP).

CHARACTERISTICS

Length 4.5 inches
Diameter 2.5 inches
Color Dark green
Explosive filler (Burster) Homemade explosive
Fuze Percussion type (3 to 4 second delay)
Chemical filler Plasticized white phosphorus (PWP)

315



LƯU-DẠN HÓA-HỌC CS CỦA VIỆT-CỘNG.

26

Lưu-dạn hóa-học CS của Việt-Cộng có thân lưu-dạn hình khối trụ, có mối hàn dọc theo khối trụ và hai nắp đậy hai đầu mối hàn. Lưu-dạn có ống dây ráp vào ở một đầu. Cán dây này có trắng sạp và có in dấu hiệu bằng chữ màu trắng. Có một lỗ nạp thuốc ở đầu lưu-dạn dây bằng nắp kim khí có đệm cao-su và trét paraffin để cho thuốc khỏi bị ẩm ướt.

Thân lưu-dạn sơn màu xanh dợt có 2 lần chỉ trắng ở 2 đầu và mang dấu hiệu chữ H1 bằng màu trắng trên nền đen.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Chiều dài	190 ly
Trọng-lượng	355 Grs
Đường kính nơi to nhất.	67 ly
Màu sắc	Màu xanh dợt với 2 lần chỉ trắng ở 2 đầu.
Chất hóa-học	C.S.
Kích-hoa	Ngòi keo oọc sắt (3 tới 4 giây)
Ngòi nổ	Ngòi nổ thường, có thuốc nổ phụ.

VIET-CONG GRENADE, CHEMICAL, BURSTING TYPE

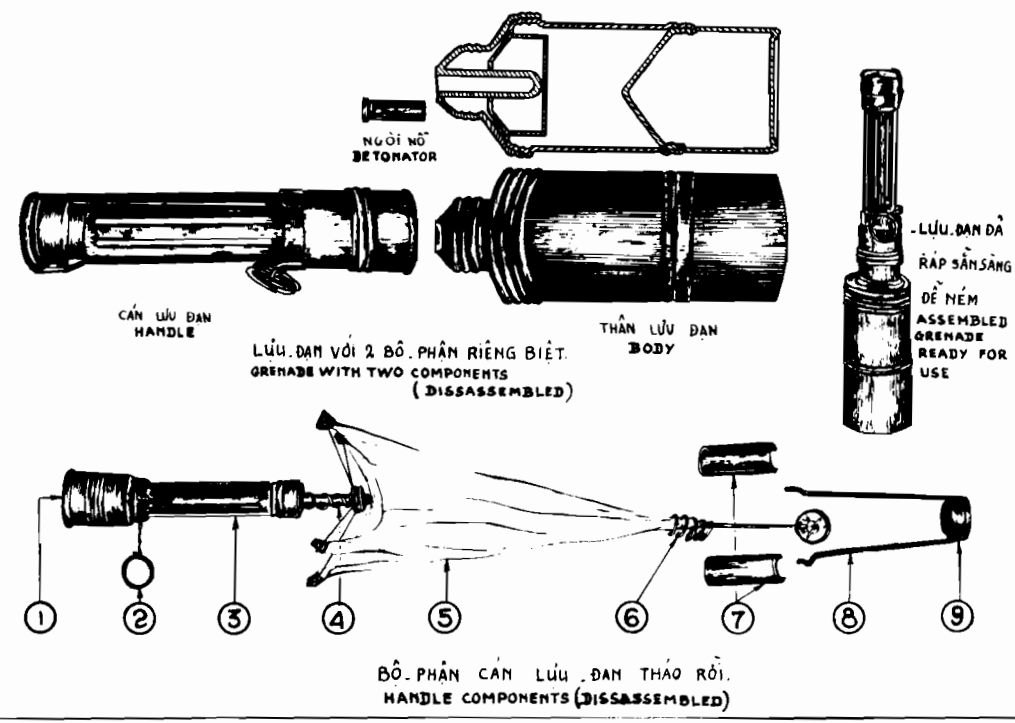
This CS grenade is a cylindrical metal container with a single side seam and crimp-fitted ends. A grooved wooden handle is inserted in the top of the grenade body. The wooden handle is coated with wax and has white lettered markings. There is one agent filler hole in the bottom of the grenade which is covered by a metal plug with a rubber gasket crimped in place by the metal tabs of the can and sealed with paraffin to protect the filler from moisture.

The grenade body is light green in color with a single narrow white band at the top and the bottom. The markings, "H.1," are painted on the body white over black.

CHARACTERISTICS

Length	7.5 inches
Weight	12.5 ounces
Diameter (max)	2.6 inches
Color	Light green with narrow white band at the top and the bottom
Chemical filler	CS
Initiator	Full-friction type (3 to 4 second delay)
Burster	Nonelectric blasting cap and small booster

27



LƯU DẠN NÉM TAY CHỐNG CHIẾN XA KIỂU RKG-3 NGÀ SƠ
KIỂU RKG-3T TRUNG CỘNG

Loại lưu đạn này chế tạo theo phương pháp nổ lôm và được dùng để chống chiến xa cùng các loại xe bọc sắt khác, để có một hướng đi ổn định khi ném, lưu đạn có gắn một bộ phận dù ở trong oản lưu đạn. Bộ phận này sẽ bung ra khi lưu đạn được ném đi. Lưu đạn có ba phần riêng biệt: thân lưu đạn, ngòi nổ và oản lưu đạn; các phần chỉ được ráp lại trước khi sử dụng.

Cơ hành. Khi sử dụng, tay nắm chốt oản lưu đạn, rút chốt an-toàn rồi ném. Khi lưu đạn rời khỏi tay, lò xo sẽ làm bung nắp chốt đủ và du sẽ bung ra theo khối oản lưu đạn. Khi chạm mục tiêu, do lực quán tính đưa kim hỏa tới trước, đánh vào hạt nổ và làm nổ lưu đạn. Được biết Việt Cộng đã sử dụng loại lưu đạn này trên chiến trường Miền Nam Việt-Nam.

ĐẶC TÍNH

Loại	Nổ mạnh
Trọng lượng	1,2 kg
Chiều dài toàn thể	400 ly
Đường kính thân lưu đạn	70 ly
Độ xuyên phá	130 ly

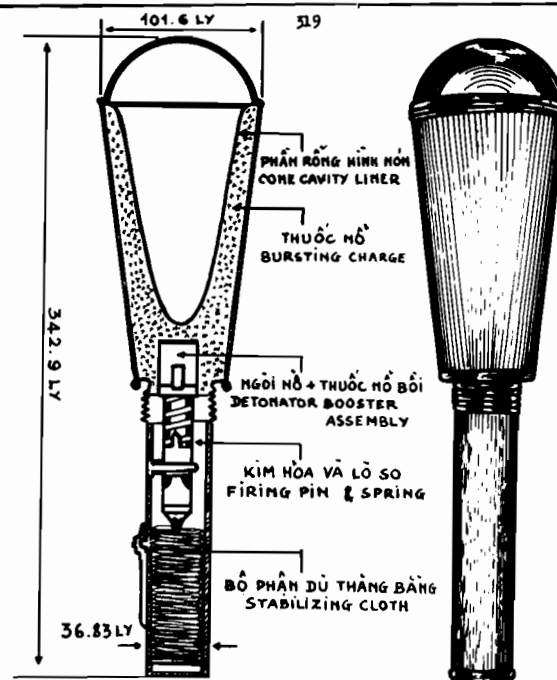
SOVIET ANTITANK HAND GRENADE: MODEL RKG-3,
CHICOM RKG-3T

The RKG antitank grenade is designed to be used against tanks and other armored vehicles and employs the shaped-charge principle. Stabilization of this grenade in flight is accomplished by a drag type parachute which is ejected from the grenade handle when it is thrown. This grenade is packed in three separate parts; body, fuze, and handle, which are assembled immediately prior to use.

With the handle held firmly, the safety pin is withdrawn. When the grenade is thrown, a spring ejects the parachute holding cap and the parachute is ejected from the rear of the handle. Upon impact, the inertia-activated firing pin strikes the detonator and detonates the grenade. This grenade is used by the Viet Cong.

CHARACTERISTICS

Type	HEAT
Weight	1.2 kg (2.6 pounds)
Height overall	400 mm (15 inches)
Body diameter	70 mm (2.8 inches)
Armor penetration	130 mm (5.1 inches)



Lựu đạn ném tay chống chiến xa kiểu RPG-6 Nga-Sô

Lựu đạn ném tay RPG-6 là loại lựu đạn dùng để chống các mục tiêu bọc sắt, như chiến xa và xe thiết giáp. Lựu đạn dùng để chống các nhân viên hiệu lực đối đầu của các mảnh lựu đạn bắn ra khi nổ. Lựu đạn được giữ thăng bằng khi ném đi bởi bốn mảnh vải dù ở các lựu đạn tung ra. Vì được gắn loại hỏa pháo chậm nổ nên lựu đạn sẽ nổ khi chạm vào tiêu. Sự khác biệt giữa lựu đạn RPG-6 và RPG-43 là lựu đạn RPG-6 có đầu hình bán nguyệt, thiếu chốt đủ bằng sắt để bọc bốn mảnh dù (các mảnh vải này được nhét vào bên trong các lựu đạn), và các lựu đạn bằng sắt chủ không bằng gỗ như loại lựu đạn RPG-43.

ĐẶC TÍNH

Loại	Nổ mảnh
Trọng lượng	1,1 kg
Chiều dài toàn thể	343 ly
Đường kính thân lựu đạn	102 ly
Độ xuyên phá	100 ly
Bán kính sát hại	20 thước

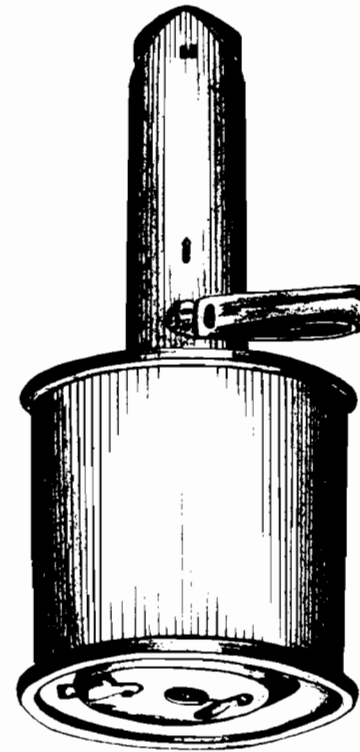
SOVIET ANTITANK HAND GRENADE: MODEL RPG-6

The RPG-6 antitank grenade is designed primarily for use against armored targets such as tanks and APCs. Because of its favorable fragmentation effect, it can also be used against personnel. The grenade is stabilized by four cloth streamers which trail behind it in flight. This grenade has an impact fuze which causes it to detonate upon impact with a target. The RPG-6 grenade differs from the RPG-43 grenade in its crescent shaped head, the lack of a cone covering the cloth streamers (which are within the handle), and a metal handle instead of the wooden one on the RPG-43.

CHARACTERISTICS

Type	HEAT
Weight	1.1 kg (2.4 pounds)
Overall length	343 mm (13.5 inches)
Body diameter	102 mm (4 inches)
Armor penetration	20 m (22 yards)

321



LƯU DẠN KÈM TAY CCK KIỂU RPG-40 CỦA NGÀ SỔ

Lưu đạn RPG-40 của Nga-Sổ là loại lưu đạn ném tay áp dụng phương pháp nổ lòn, dùng để chống chiến xa. Lưu đạn được chế tạo bằng sắt lá và chứa đầy thuốc nổ TNT. Khi cất giữ cùng như lúc chuyên chở, lưu đạn và kíp nổ đều được gói riêng biệt và kíp nổ chỉ được lắp vào lưu đạn trước khi sử dụng thôi. Kíp nổ được nhét vào bên trong cán lưu đạn và cán này sẽ vắn vào thân lưu đạn. Loại kíp nổ dùng cho lưu đạn này là loại chạm nổ tước-khảo.

CHỈ CHÚ. Không nên nhặt những quả lưu đạn thất vì ngòi nổ đã kích hoạt và chỉ cần một sự va chạm rất nhỏ cũng có thể gây tai nạn được.

ĐẶC TÍNH

Loại	Nổ mạnh
Trọng lượng	1,2 kg
Chiều cao toàn thể	200 ly
Đường kính thân lưu đạn	95 ly
Bán kính nguy hiểm	20 thước

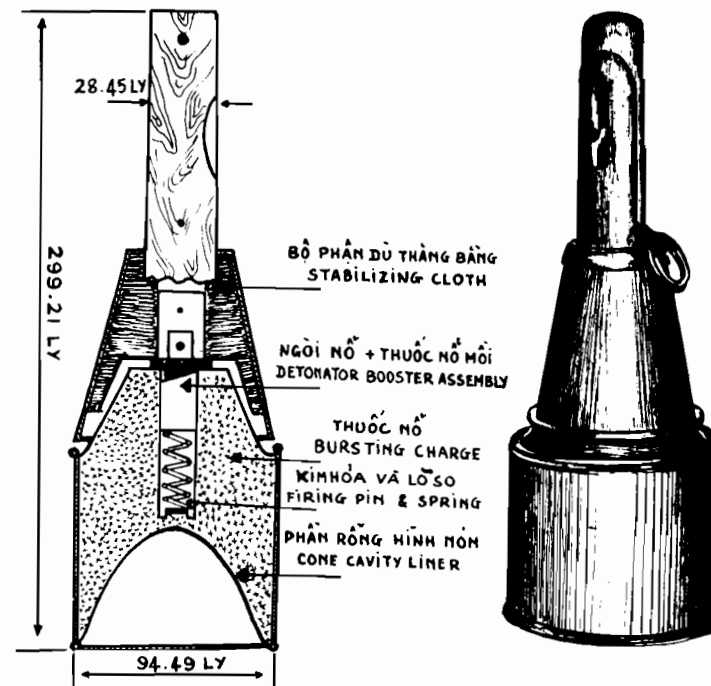
SOVIET ANTITANK HAND GRENADE: MODEL RPG-40

The Soviet RPG-40 is an antitank hand grenade employing the shaped-charge principle to defeat armor. It is constructed of sheet metal and has a TNT filler. The grenade is packed for storage and transportation with the primer-detonator assembled prior to use by placing it inside the grenade handle and screwing the handle to the grenade body. The grenade has an impact type fuze.

WARNING. When the fuze is armed it is extremely sensitive and should not be handled.

CHARACTERISTICS

Type	HEAT
Weight	1.2 kg (2.7 pounds)
Height overall	200 mm (7.9 inches)
Body diameter	95 mm (3.7 inches)
Fragmentation radius	20 m (22 yards)



Lựu đạn ném tay chống chiến xa kiểu RPG-43 Nga Xô

Lựu đạn RPG-43 là loại lựu đạn ném tay nổ lòn dùng để tấn công các loại chiến xa và các loại xe bọc sắt khác. Bộ phận giữ thăng bằng lựu đạn gồm hai mảnh vải kéo theo sau lựu đạn khi lựu đạn được ném đi. Lựu đạn được gắn ngòi nổ loại chậm nổ nếu khi lựu đạn chạm mục tiêu sẽ nổ ngay. Đặc điểm dễ nhận dạng loại lựu đạn này là thân lựu đạn hình trụ lớn cân bằng gỗ và ổn định bằng sắt trong cùng mảnh vải giữ thăng bằng. Việt-Cộng đã sử dụng loại lựu đạn này trên chiến trường Miền Nam Việt-Nam.

ĐẶC TÍNH

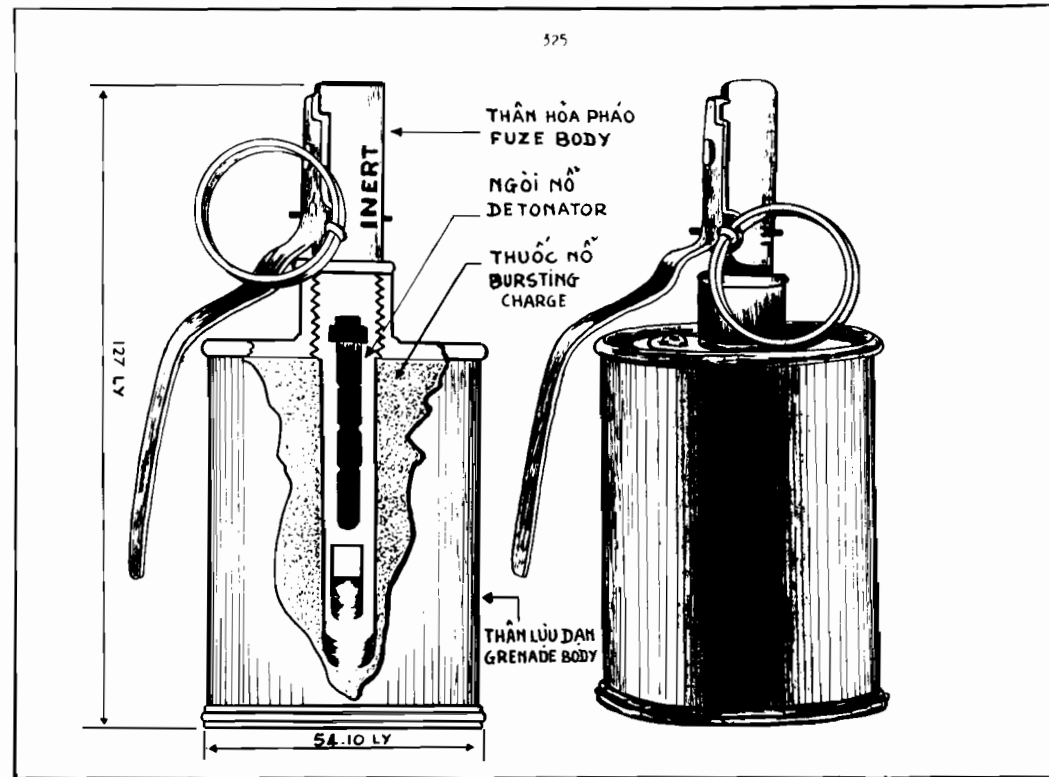
Loại	Nổ mạnh
Trọng lượng	1,2 kg
Chiều cao toàn thể	300 ly
Đường kính thân lựu đạn	96 ly
Độ xuyên phá	76 ly

SOVIET ANTITANK HAND GRENADE: MODEL RPG-43

The RPG-43 antitank grenade is designed to be used against tanks and other armored vehicles and employs the shaped-charge effect to defeat armor. Stabilization of this grenade in flight is effected by two cloth streamers trailed behind the grenade when it has been thrown. This grenade has an impact fuze which caused it to detonate upon impact with the target. The grenade is characterized by its large cylindrical body, wood handle, and the steel cone which contains the cloth streamers. This weapon is used by the Viet Cong.

CHARACTERISTICS

Type	HEAT
Weight	1.2 kg (2.5 pounds)
Height overall	300 mm (11.8 inches)
Body diameter	96 mm (3.8 inches)
Armor penetration	76 mm (3 inches)



LỬU ĐẠN NÉM TAY THỂ CÔNG LOẠI RG-42 CỦA NGÀ SƠ

Lựu đạn gồm một ống hình trụ bằng sắt, chứa khoảng 99 gr thuốc nổ TNT. Lựu đạn này có một cách sử dụng như loại lựu đạn thể công của Hoa Kỳ. Khi ném lựu đạn, một tay nắm chặt cần an-toàn ép sát vào thân lựu đạn, tay kia kéo chốt an - toàn. Khi lựu đạn rời khỏi tay, cần an-toàn sẽ bật tung ra khỏi lựu đạn, kim hỏa được thả lỏng đánh vào chốt nổ, đốt cháy ngòi cháy chậm và làm lựu đạn nổ. Ngòi cháy chậm lâu khoảng từ 3 tới 4 giây.

ĐẶC TÍNH

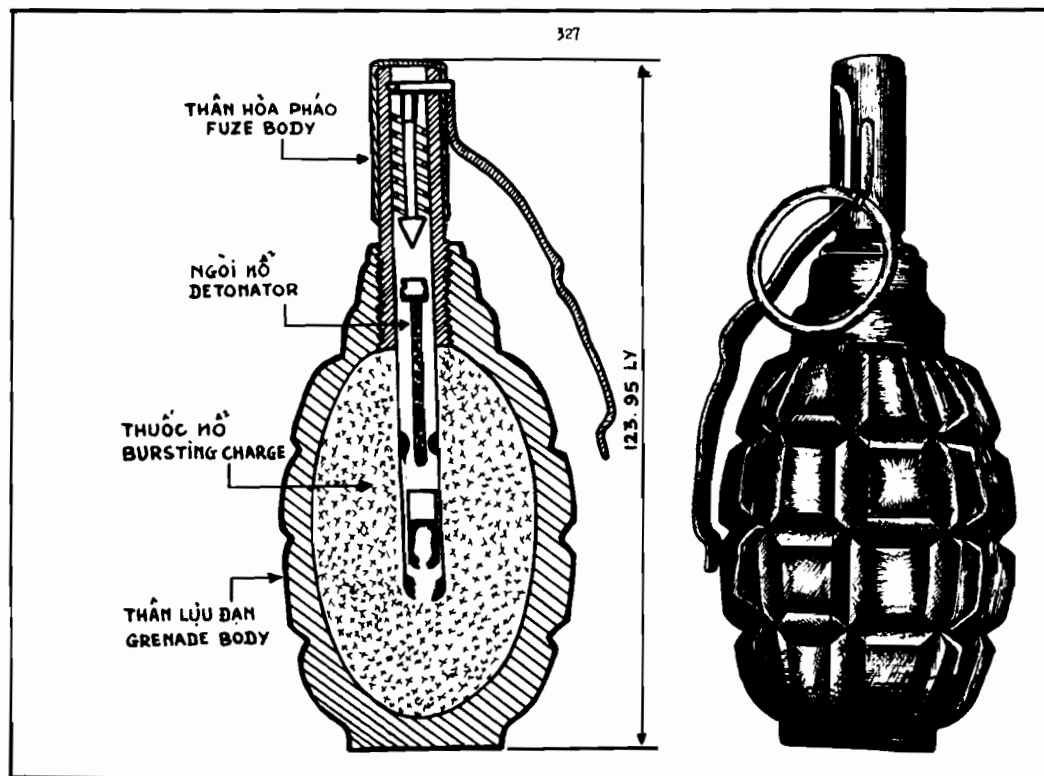
Loại	Tấn công
Trọng lượng	400 gr
Chiều cao toàn thể	127 ly
Đường kính thân lựu đạn	56 ly
Bán kính nguy-hiểm	15 - 20 thước

SOVIET OFFENSIVE HAND GRENADE: MODEL RG-42

The Soviet RG-42 offensive hand grenade has a thin sheet metal body containing 99 grams of TNT. This grenade is used in the same manner as US offensive grenades. The fuze handle is held pressed against the grenade with one hand, and the safety pin is pulled with the other. When the grenade is thrown, the fuze handle flies off allowing the spring-loaded striker to initiate the delay element. The fuze has a three to four second delay.

CHARACTERISTICS

Type	Offensive
Weight	400 g (0.88 pounds)
Height overall	127 mm (5 inches)
Body diameter	56 mm (2.2 inches)
Effective radius	15 to 20 m (16 to 22 yards)



LƯU-DẠN NÉM TAY THỂ THỦ LOẠI F-1 CỦA NGÀ SỔ
KIỂU 1/M33 CỦA TRUNG CỘNG

Lưu-dạn ném tay F-1 của Nga-Sổ giống lưu-dạn MK-2 của Hoa-Kỳ về hình dạng, cách vận chuyển cũng như về cách sử-dụng. Vỏ lưu-dạn làm bằng gang đúc có khía và được sơn màu xanh quân đội. Khi sử-dụng, một tay nắm chặt cần an-toàn ép sát vào thân lưu-dạn, tay kia rút chốt an-toàn rồi ném. Khi lưu-dạn rời khỏi tay, cần an-toàn bật tung ra, kim hỏa được thả lỏng đánh vào chốt nổ, đốt cháy ngòi cháy chậm và làm nổ lưu-dạn. Tại Miền Nam Việt-Nam, Việt-Cộng đã sử-dụng loại lưu-dạn này.

ĐẶC TÍNH

Loại	Thể thủ
Trọng lượng	0,69 kg
Chiều dài toàn thể	124 ly
Đường kính	55 ly
Bán kính nguy hiểm	14 thước

SOVIET DEFENSIVE HAND GRENADE: MODEL F-1,
CHICOM TYPE 1/M33

The Soviet F-1 hand grenade is similar to the US MK-2 grenade in appearance, functioning, and employment. Its case is serrated cast iron, and it is painted OD. This grenade is handled like the US MK-2. The handle is held pressed to the grenade body with one hand while the safety pin is withdrawn with the other hand. When the grenade is thrown, the fuze handle is disengaged from the grenade, and the spring-loaded firing pin initiates the delay element which causes the grenade to detonate. This grenade is used by the Viet Cong.

CHARACTERISTICS

Type	Defensive
Weight	0.69 kg (1.52 pounds)
Height overall	124 mm (4.9 inches)
Diameter	55 mm (2.2 inches)
Fragmentation radius	14 mm (16 yards)

329



LƯU DẠN NÉM TAY THỦ KIỂU RGD-5 CỦA NGA SỞ
KIỂU M32 CỦA TRUNG QUỐC

Lưu đạn RGD-5 mới được trang bị thêm cho quân đội Nga-Sô. Thân lưu đạn được làm bởi hai bìa thép mỏng ghép lại, bên trong có thêm một lớp vỏ mạ khi lưu đạn nổ sẽ văng ra nhiều mảnh sắt thép. Trung Quốc đã mượn kiểu chế tạo này để tạo ra loại lưu đạn này lấy tên là M32. Có một điểm khác biệt chính yếu giữa hai loại lưu đạn này là vỏ bên trong lưu đạn của Nga-Sô có khía oon vỏ bên trong lưu đạn M32 nhẵn. Ngòi nổ dùng trong lưu đạn RGD-5 lâu chừng 3 tới 4 giây mới phát nổ. Tại Miền Nam Việt Nam, Việt Cộng đã sử dụng loại lưu đạn này.

ĐẶC TÍNH

Loại	Thủ
Trọng lượng	0,31 kg
Chiều dài toàn thể	114 ly
Đường kính thân lưu đạn	56 ly
Bán kính sắt thép	25 thước

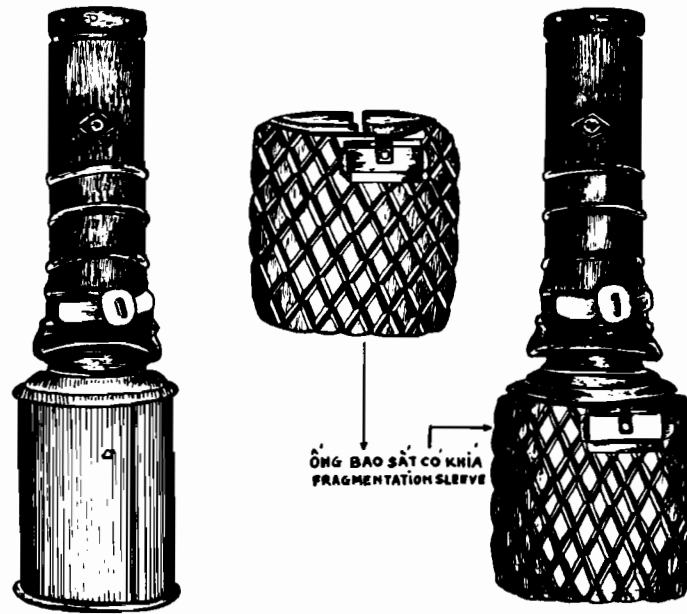
SOVIET DEFENSIVE HAND GRENADE: MODEL RGD-5
CHICOM M32

The Soviet RGD-5 is a recent addition to the Soviet Army. This grenade is constructed with a two-piece stamped-metal body with an inner liner to provide fragmentation. The Communist Chinese have copied this grenade design with the primary difference being that the Soviet version has a serrated inner liner while the ChiCom version is smooth. The fuze used with the RGD-5 has a three to four second delay. The RGD-5 is used by the Viet Cong.

CHARACTERISTICS

Type	Defensive
Weight	0.31 kg (0.68 pounds)
Height overall	114 mm (4.5 inches)
Body diameter	56 mm (2.2 inches)
Fragmentation radius	25 mm (27 yards)

331



ÔNG BAO SẮT CÓ KHÓA
FRAGMENTATION SLEEVE

Lựu đạn ném tay công/thủ kiểu RGD-33 của Nga SO

Lựu đạn RGD-33 của Nga-Sô có thể sử dụng được hai cách: nếu không lắp thêm ống bao bằng sắt có khía theo như hình vẽ bên, lựu đạn có tác dụng thể ống, bắn ra rất nhiều mảnh nhỏ. Nếu lắp thêm ống bao bằng sắt vào, lựu đạn RGD-33 trở thành lựu đạn thể thủ. Khi lựu đạn được ném đi, ngòi chày chạm sẽ bắt đầu tạo-dòng và thời gian chạy chậm của loại ngòi nổ này lâu từ 3 tới 4 giây.

ĐẶC TÍNH

Lựu-dạn ống phá (không gắn ống bao)

Loại	Công phá
Trọng lượng	0,5 kg
Chiều dài toàn thể	190 ly
Đường kính thân lựu đạn	45 ly
Bán kính sát hại	5 thước

Lựu-dạn thể thủ (có gắn ống bao)

Loại	Thể thủ
Trọng lượng	0,66 kg
Chiều dài toàn thể	190 ly
Đường kính thân lựu đạn	52 ly
Bán kính sát hại	25 thước

SOVIET OFFENSIVE/DEFENSIVE HAND GRENADE:
MODEL RGD-33

The Soviet RGD-33 is a dual purpose grenade. Without the fragmentation sleeve shown on the opposite page, it is a very effective offensive grenade having very little fragmentation. When the serrated sleeve is added, however, the RGD-33 becomes an equally effective defensive grenade. When the grenade is thrown, set-back initiates the delay fuze action. The delay on this fuze is three to four seconds.

CHARACTERISTICS

Without Fragmentation Sleeve:

Type	Offensive
Weight	0.5 kg (1.1 pounds)
Overall length	190 mm (7.5 inches)
Body diameter	45 mm (1.7 inches)
Fragmentation radius	5 m (5.5 yards)

With Fragmentation Sleeve:

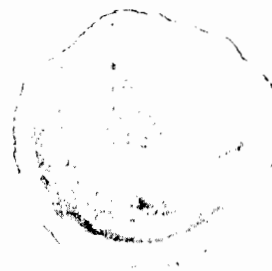
Type	Defensive
Weight	0.66 kg (1.5 pounds)
Overall length	190 mm (7.5 inches)
Body diameter	52 mm (2.04 inches)
Fragmentation radius	25 m (27 yards)

355

TRÁI LỬA CÒN NGUYÊN CHỨA BÓC BAO SÁP
SODIUM-GRENADE WITH WAX
COVER



MỘT PHẦN BAO SÁP BÓC KHỎI
TRÁI LỬA
PART OF WAX-COVER REMOVED
FROM SODIUM-GRENADE



TRÁI LỬA ĐÃ BÓC MỘT PHẦN BAO SÁP
SODIUM-GRENADE WITH PART OF WAX
COVER REMOVED



MẢNH GIẤY BÍT TRÊN LỖ TRÁI LỬA
PIECE OF PAPER COVERING
THE OPENING OF SODIUM-GR.



Trái lửa Sodium cấu tạo thành hình khối cầu đường kính 38 ly, hàn lại bởi 2 mảnh hình bán cầu. Bên ngoài trái lửa được bao bằng một lớp sáp.

Thân trái lửa được khoét 2 lỗ: Một lỗ lớn đường kính 10 ly và một lỗ nhỏ đường kính 3 ly. Cả 2 lỗ này được bít lại bởi một miếng giấy bìa mền. Sau hết, trong thân trái lửa chứa 1/3 thể tích Sodium dư lại. Chất Sodium sẽ phản ứng phát cháy và bốc khói khi gặp nước sâu chừng 25 ly; nếu ở chỗ nước ít hoặc cạn trái lửa sẽ không phát lửa nhưng có lẫn hơi bốc và sẽ phát nổ.

Cách sử-dụng: Trước khi sử-dụng trái lửa, bóc bỏ hết lớp sáp ngoài và hai mảnh giấy bít trên lỗ đó; liêng trái cầu vào nước sâu chừng 25 ly 4 thì trái lửa sẽ bốc khói trong vòng 4 hay 5 giây và bốc cháy trong vòng 3 giây, phát lửa hướng về một chiều xa chừng 1 thước, đồng thời tỏa ra một làn khói trắng. Mặc dù bốc cháy, vỏ trái lửa vẫn còn nguyên vẹn và bốc ra một mùi đặc-biệt như mùi dầu hỏa (kerosene) sơ vào thấy trơn trơn như có 1 lớp xà-phòng.

Công-dụng: Trái lửa dùng gây hỏa-hoạn kho oác kho tàng hoặc những vật-liệu dễ cháy, rất hiệu lực trong công-tạo phá-hoại.

ĐẶC - TÍNH :

Trọng lượng toàn thể	45 Gr
Trọng lượng sáp và giấy	5 Gr
Trọng lượng khối cầu kim khí và Sodium	40 Gr
Đường kính	38 ly
Vỏ kim khí dày	1 ly 25

VC HOMEMADE SODIUM INCENDIARY GRENADE

This 38 mm (1.5 inches approx) diameter, spherical-shaped grenade is made of two hemispherical-shaped pieces of metal welded together. It is covered by a coat of wax.

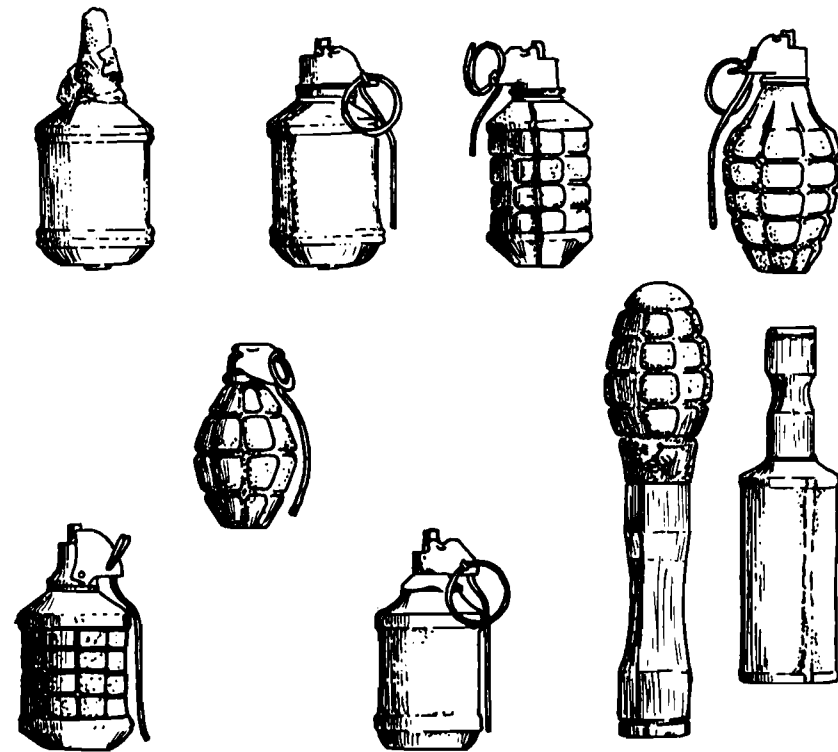
There are two outlets on the grenade body, 10 mm in diameter and 3 mm in diameter. Both of these outlets are sealed with a piece of light paper. One third of the grenade case is filled with sodium. This substance will burn and smoke upon contact with water.

Operation: Prior to using this incendiary grenade, remove the coat of wax completely and the two pieces of paper blocking the outlets and throw the spherical cases into water. The grenade will send out flames and smoke for four or five seconds in one direction for about one meter. Despite the burning, the incendiary grenade case remains intact and emits a particular smell similar to that of kerosene. If touched, it feels as if it were covered with a coat of soap.

Effect: This grenade is used to set fire to depots or flammable material. It is very effective for sabotage activities.

CHARACTERISTICS

Overall weight	45 g (1.5 ounces approx)
Weight of wax and paper	5 g (10 ounces approx)
Weight of the spherical cases and sodium	40 g (1.25 ounces approx)
Diameter	38 mm (1.5 inches approx)
Thickness of metal case	1.25 mm (0.32 inches approx)



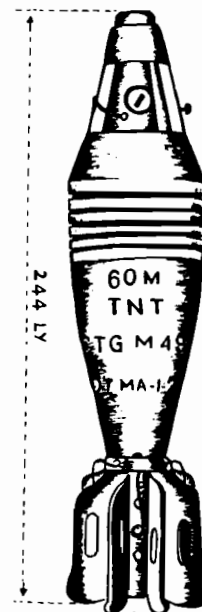
CÁC LOẠI-LƯU ĐẠN NÉM TAY CỦA VIỆT-CỘNG

Các hình lưu đạn vẽ trang bên chỉ là những mẫu điển-hình của rất nhiều loại lưu đạn đã được Việt-Cộng chế-tạo tại Miền Nam Việt-Nam. Sở dĩ trong sách này không mô-tả tỉ-mỉ từng loại là vì khi chế tạo các loại lưu đạn này, Việt-Cộng đã không theo một tiêu chuẩn nhất định nào cả. Các loại lưu đạn này thường được sản-xuất lên lưt trong các cơ-xưởng nhỏ bé, thiếu điều-kiện và tiêu chuẩn kỹ-thuật. Vì vậy phải hết sức cẩn-thận khi sử-dụng các loại lưu đạn tịch thu được của Việt-Cộng. Mặc dầu hiện nay Việt-Cộng đã sử-dụng những vũ khí và đạn được tị tẩn nhưng chúng vẫn không ngớt sản xuất các lưu đạn loại này. Loại lưu - đạn này thường được Việt-Cộng sử-dụng rất nhiều.

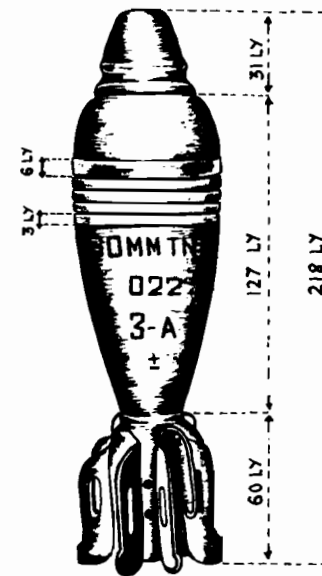
VIET CONG HAND GRENADE, MISCELLANEOUS TYPES

The hand grenades shown on the opposite page are examples of the numerous types manufactured by the Viet Cong in South Vietnam. These grenades are not described individually in this handbook because of their lack of standardization. They are manufactured in relatively small munitions plants and vary considerable in their technical characteristics, reliability, and performance. Because of their lack of standardization, extreme care should be used in handling these grenades.

The recent modernization of the arms and munitions used by the Viet Cong has not significantly reduced their use of locally-produced grenades. These grenades continue to find wide employment by the Viet Cong.



ĐẠN BKP 60 LY NỔ MẠNH HOA KỲ
US 60 MM H.E MORTAR SHELL



ĐẠN BKP 60 LY NỔ MẠNH TRUNG CỘNG
CHICOM 60 MM HE MORTAR SHELL